

06 Tháng Chín 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn



Nhận định thị trường

Mid & Penny khuấy động thị trường

Trở lại sau tuần nghỉ lễ 4 ngày, thị trường mở phiên với tâm lý hưng phấn của nhà đầu tư khi ngay từ đầu phiên VN-Index tăng vọt 6 điểm lúc mở cửa. Sau đó xuyên suốt thời gian giao dịch, đà tăng được giữ vững và không gặp phải sự giằng co đáng kể nào. Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.346,4 điểm, tăng 11,7 điểm, tương ứng 0,9% so với phiên giao dịch ngày hôm trước, thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 28.221 tỷ đồng, HNX: 3.801 tỷ đồng, UPCOM: 2.575 tỷ đồng.

Diễn biến đáng chú ý nhất hôm nay nằm ở nhóm Mid & Penny, khi toàn sàn HOSE có tới 300 mã tăng điểm (trong đó tới 55 mã tăng trần) so với chỉ 106 mã giảm, gần gấp 3 lần. Điều này thể hiện rõ hơn khi thanh khoản nhóm này chiếm 62% toàn sàn, trong khi đó nhóm VN30 chỉ chiếm 38%. Dẫn đầu tăng điểm phải kể đến nhóm Xây dựng và Vật liệu Xây dựng với HBC, FCN, CII, GEX, HSG, NKG, POM, SMC với tăng “khủng” từ 5% - 7%. Kế tiếp là nhóm Bất động sản, tuy nhiên đà tăng khiêm tốn hơn. Và sau cùng là nhóm Bán lẻ, Hàng tiêu dùng với mức xanh nhẹ, duy nhất DGW vượt trội với mức tăng kịch trần 6,9%.

Khối ngoại hôm nay bán ròng xấp xỉ 340 tỷ, trong đó VHM bị bán mạnh nhất với 380 tỷ.

Phiên giao dịch tăng điểm ở mức khá tốt khiến các điểm số kỹ thuật phục hồi. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đã quay về mức +2 (TRUNG TÍNH). Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 16,2x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	7	KHẢ QUAN
Kospi	6	KHẢ QUAN
Nikkei 225	7	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	3	TRUNG TÍNH
Dow Jones	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,346.39	0.88	2.45	50.99
HNX	345.63	0.64	9.75	175.60
UPCOM	94.66	0.69	8.37	60.98
MSCI EM	1,315.91	0.30	1.81	19.68
NIKKEI	29,659.89	1.83	6.61	27.81
HANG SENG	26,163.63	1.01	-0.06	5.95
KOSPI	3,203.33	0.07	-2.05	35.26
FTSE	7,178.01	0.56	0.77	23.78
S&P 500	4,535.43	-0.03	2.23	32.35
NASDAQ	15,363.52	0.21	3.56	35.80

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.21	2.61	16.31
SET INDEX	20.30	1.79	7.58
JCI INDEX	NA	1.71	-6.02
PCOMP INDEX	23.06	1.68	7.53

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	0.82	-1	-17	-90
10 năm	2.08	1	-1	-82

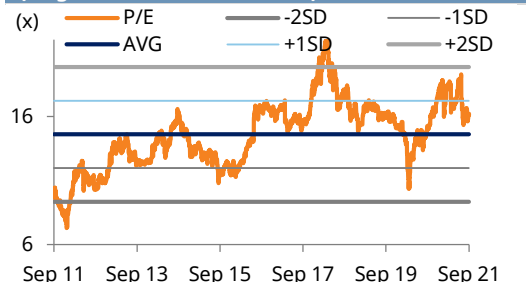
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,771	-0.03	0.72	1.78
US\$/KRW	1,157	0.05	-1.24	2.75
US\$/JPY	110	-0.15	0.35	-3.28
US\$/EUR	0.84	0.12	-0.87	-0.43
US\$/GBP	0.72	0.12	0.24	-4.87
US\$/SGD	1.34	-0.05	0.96	1.81

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	906	971	633
HNX	132	163	91
UPCOM	83	79	40

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (06/09/2021)	1.346,4	Kháng cự 1 1.380
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.420
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.300
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.270

Phiên tăng điểm kèm theo thanh khoản tăng mạnh, VN-Index tiến về vùng kháng cự mạnh 1.380 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (06/09/2021)	1.444,6	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.550
VN30 - đóng cửa	1.441,5	Hỗ trợ 1	1.450
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+3,1	Hỗ trợ 2	1.400

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-2	TRUNG TÍNH

Tuy là phiên tăng điểm nhưng VN30F1M giằng co và dao động trong biên độ hẹp, spread trong ngày chỉ 14 điểm, các điểm số giao dịch hiện đang ở mức TRUNG TÍNH.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.65	8,055,280	5	KHẢ QUAN	5,435	13.3	1.1
ACB	32.05	10,626,315	-2	TRUNG TÍNH	86,597	8.9	2.1
AGR	17.9	4,172,445	3	TRUNG TÍNH	3,795	10.9	1.7
ASM	17.05	5,965,285	4	KHẢ QUAN	4,414	10.7	0.9
BCG	19.85	6,260,730	7	KHẢ QUAN	5,906	6.3	1.6
BID	39.1	2,052,875	-4	TIÊU CỰC	157,261	15.9	1.9
BII	18.8	3,753,430	7	KHẢ QUAN	1,084	12.7	1.8
BSI	28.4	2,034,380	3	TRUNG TÍNH	3,453	12.7	2.1
BSR	18.6	13,406,300	-2	TRUNG TÍNH	57,669	#N/A N/A	1.9
BVH	56.4	1,071,665	4	KHẢ QUAN	41,867	22.4	2.0
CII	19.45	3,579,765	5	KHẢ QUAN	4,646	281.5	1.0
CTG	32.05	15,552,195	-2	TRUNG TÍNH	154,024	9.4	1.7
CTR	82.4	1,028,680	-2	TRUNG TÍNH	7,657	27.4	7.2
CTS	32	2,414,740	7	KHẢ QUAN	3,405	11.9	2.1
DBC	62.6	3,038,205	4	KHẢ QUAN	7,214	5.9	1.5
DCM	25.4	6,590,935	4	KHẢ QUAN	13,447	21.7	2.0
DDV	23.5	4,467,245	7	KHẢ QUAN	3,434	120.5	2.7
DGC	116	1,174,530	4	KHẢ QUAN	19,845	19.8	4.4
DIG	34.9	14,660,145	4	KHẢ QUAN	14,305	19.1	3.0
DPG	42.65	1,348,095	5	KHẢ QUAN	2,687	8.7	2.3
DPM	36.6	7,385,050	0	TRUNG TÍNH	14,323	12.6	1.7
DRC	36.25	3,156,830	6	KHẢ QUAN	4,306	12.6	2.5
DXG	22.9	6,830,210	2	TRUNG TÍNH	11,869	14.4	1.4
FCN	14.8	4,466,785	5	KHẢ QUAN	1,856	13.2	0.8
FIT	19.5	12,870,350	-4	TIÊU CỰC	4,967	36.0	1.6
FLC	11.25	15,346,150	3	TRUNG TÍNH	7,987	4.4	0.8
FPT	94.9	2,955,150	1	TRUNG TÍNH	86,119	22.4	5.1
FRT	42.85	2,782,125	3	TRUNG TÍNH	3,384	50.8	2.7
FTS	55.6	1,017,755	-2	TRUNG TÍNH	8,205	15.4	3.2
GAS	90.4	1,176,860	-2	TRUNG TÍNH	173,021	22.2	3.7
GEX	25.9	11,351,100	7	KHẢ QUAN	20,233	13.8	1.7
GMD	52.7	4,798,910	2	TRUNG TÍNH	15,883	38.8	2.6
GVR	39.3	6,764,840	6	KHẢ QUAN	157,200	33.3	3.2
HAH	67.2	2,483,995	7	KHẢ QUAN	3,185	15.2	2.7
HBC	16.25	6,450,205	5	KHẢ QUAN	3,752	26.8	1.0
HCM	55.6	6,794,910	0	TRUNG TÍNH	16,960	19.2	3.5
HDB	26.35	2,605,975	-4	TIÊU CỰC	52,495	10.0	2.0
HDC	67.3	933,445	5	KHẢ QUAN	5,819	19.0	4.4
HDG	55.9	2,535,225	0	TRUNG TÍNH	9,147	13.1	2.6
HHV	21.9	7,843,470	4	KHẢ QUAN	5,856	37.5	0.9
HPG	51.2	26,167,584	5	KHẢ QUAN	229,014	9.1	3.1
HSG	42.85	11,659,470	7	KHẢ QUAN	20,957	5.5	2.1
HT1	21.8	3,724,480	0	TRUNG TÍNH	8,318	13.2	1.5
IDC	42.5	4,327,495	7	KHẢ QUAN	12,750	25.1	3.3
IJC	29.05	8,416,805	4	KHẢ QUAN	6,307	8.3	2.0
ITA	7.41	9,800,000	7	KHẢ QUAN	6,953	39.2	0.6
KBC	41.8	14,068,350	4	KHẢ QUAN	19,636	23.3	1.9
KDC	60	2,278,385	0	TRUNG TÍNH	13,725	26.7	2.3
KDH	40.95	3,540,790	0	TRUNG TÍNH	25,515	20.8	3.0
KSB	33.6	3,577,555	4	KHẢ QUAN	2,463	9.9	1.5
LCG	18.3	7,260,310	3	TRUNG TÍNH	2,109	5.8	1.2
LPB	22.85	9,889,530	-2	TRUNG TÍNH	27,502	10.3	1.8

MBB	28.3	16,935,460	-4	TIÊU CỰC	106,927	10.2	2.0
MBS	36.5	4,020,620	2	TRUNG TÍNH	9,768	19.5	3.2
MSN	131.1	1,410,625	-4	TIÊU CỰC	154,768	73.4	7.3
MWG	111	1,062,745	-2	TRUNG TÍNH	79,133	17.3	4.3
NDN	22.8	2,475,495	2	TRUNG TÍNH	1,634	4.6	1.8
NKG	41.6	8,801,630	7	KHẢ QUAN	9,085	6.1	2.0
NLG	45.7	3,583,950	5	KHẢ QUAN	13,037	11.6	2.0
NTL	35.9	2,490,270	2	TRUNG TÍNH	2,190	7.2	1.9
NVL	104.8	2,710,375	4	KHẢ QUAN	154,434	29.1	4.6
ORS	27.5	2,234,240	2	TRUNG TÍNH	5,500	26.1	4.3
PC1	35.25	3,031,825	2	TRUNG TÍNH	6,739	10.2	1.5
PDR	86	3,342,175	0	TRUNG TÍNH	41,862	29.7	7.5
PET	28.45	4,107,440	5	KHẢ QUAN	2,558	13.4	1.5
PLX	51.1	1,607,405	2	TRUNG TÍNH	63,559	15.9	2.6
POW	12.4	12,165,895	6	KHẢ QUAN	29,039	11.5	1.0
PVD	19.25	6,862,190	4	KHẢ QUAN	8,107	874.2	0.6
PVS	26.6	12,079,200	4	KHẢ QUAN	12,714	22.9	1.0
PVT	24.85	7,257,985	5	KHẢ QUAN	8,043	10.6	1.7
REE	66.2	1,349,925	4	KHẢ QUAN	20,459	11.4	1.7
SBS	16.2	5,038,185	2	TRUNG TÍNH	2,052	1,786.1	9.9
SBT	23.6	6,209,465	5	KHẢ QUAN	14,565	22.1	1.9
SCR	11.75	11,281,120	5	KHẢ QUAN	4,305	14.7	0.9
SHB	26.5	18,820,404	-7	TIÊU CỰC	51,027	13.7	1.9
SHS	39.1	7,748,705	-2	TRUNG TÍNH	11,295	10.5	2.6
SMC	53.5	1,242,225	7	KHẢ QUAN	3,259	3.4	1.5
SSI	60	15,725,610	-5	TIÊU CỰC	39,295	21.3	3.5
STB	27.55	21,125,140	-4	TIÊU CỰC	51,938	14.3	1.6
SZC	47.5	1,719,155	4	KHẢ QUAN	4,750	19.0	3.6
TCB	48.95	16,178,845	-4	TIÊU CỰC	171,565	10.6	2.1
TCH	20.15	7,559,485	7	KHẢ QUAN	8,043	9.2	1.3
TLH	21.4	3,175,520	7	KHẢ QUAN	2,154	5.5	1.3
TNG	32.2	4,039,510	3	TRUNG TÍNH	2,561	14.5	2.1
TPB	34.8	4,181,075	-2	TRUNG TÍNH	37,294	8.3	1.8
TVB	24.5	2,363,655	1	TRUNG TÍNH	2,615	8.5	2.1
VCB	100	1,403,545	0	TRUNG TÍNH	370,888	18.1	3.5
VCI	61.3	6,265,635	0	TRUNG TÍNH	20,413	14.0	3.8
VGC	38	2,776,280	7	KHẢ QUAN	17,037	18.1	2.7
VGJ	21.4	6,801,815	4	KHẢ QUAN	10,700	37.5	1.7
VHC	51.4	2,856,240	5	KHẢ QUAN	9,352	12.7	1.7
VHM	108.4	14,004,945	-2	TRUNG TÍNH	363,087	10.8	3.7
VIC	95	2,510,845	-2	TRUNG TÍNH	361,495	53.8	4.0
VIX	26.75	5,867,865	-4	TIÊU CỰC	3,416	4.8	1.6
VJC	125.7	957,355	2	TRUNG TÍNH	68,081	433.2	4.0
VND	50.6	12,336,775	-6	TIÊU CỰC	22,008	10.1	2.2
VNM	88.3	3,525,425	-2	TRUNG TÍNH	184,543	19.3	5.8
VOS	16.9	4,458,805	5	KHẢ QUAN	2,366	15.5	3.2
VPB	61.1	9,351,635	-6	TIÊU CỰC	150,902	12.1	2.5
VRE	28.1	4,384,520	3	TRUNG TÍNH	63,852	23.5	2.1

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Chứng khoán châu Á trái chiều sau báo cáo việc làm gây thất vọng của Mỹ

Chỉ số MSCI châu Á – Thái Bình Dương không gồm Nhật Bản tăng 0,28%. Tại Nhật Bản, Nikkei tăng 1,89%, nổi bật tăng từ phiên 3/9 sau khi Thủ tướng Yoshihide Suga thông báo không tranh cử trong cuộc bầu cử sắp tới. Topix tăng 1,31%. Thị trường Trung Quốc đi lên với Shanghai Composite tăng 0,6%, Shenzhen Component tăng 1,056%. Hang Seng của Hong Kong tăng 0,55%. Chỉ số Kospi của Hàn Quốc tăng 0,1%. ASX 200 của Australia giảm 0,66%. Nhà đầu tư theo dõi diễn biến thị trường Thái Lan sau khi thủ tướng và một số bộ trưởng nước này vượt qua cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm tại quốc hội cuối tuần trước, Reuters đưa tin. Báo cáo việc làm tháng 8 của Mỹ công bố hôm 3/9 không đạt kỳ vọng. Nền kinh tế số một thế giới chỉ tạo ra 235.000 việc làm, thấp hơn nhiều so với dự báo 720.000 việc làm từ giới phân tích. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp giảm từ 5,4% xuống 5,2%.

Trung Quốc sắp mở sàn chứng khoán mới tại Bắc Kinh

Trung Quốc lên kế hoạch mở thêm một sàn giao dịch chứng khoán mới ở Bắc Kinh, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình cho biết. Theo đó, việc thành lập sàn mới sẽ làm gia tăng sự cạnh tranh tới sàn ChiNext – dành cho startup – tại Thâm Quyển, sàn Thượng Hải và sàn Hồng Kông. Mặc dù cơ quan điều tiết chứng khoán Trung Quốc cho biết sàn giao dịch sắp mở sẽ dựa trên Sàn Giao dịch Thứ ba (New Third Board) của Trung Quốc, hỗ trợ thêm cho sàn Thượng Hải và Thâm Quyển. “Sàn giao dịch chứng khoán Bắc Kinh sẽ hoạt động một cách bình đẳng với Thượng Hải và Thâm Quyển. Nếu sàn này phát triển thịnh vượng, bộ 3 sẽ chia thị phần trong cuộc đối đầu 3 bên”, Rock Jin, Chuyên gia kinh tế và CEO của công ty tư vấn đầu tư PopEton, cho hay. Mặc dù đây là thông tin tốt lành cho nền kinh tế, nhưng nó sẽ báo hiệu chẳng lành cho thị trường trong ngắn hạn. Điều này là do sàn này sẽ thu hút dòng vốn từ sàn Thượng Hải và Thâm Quyển, ông nói. Khởi đầu một hội nghị vào ngày 02/09, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tuyên bố việc mở sàn giao dịch chứng khoán mới nói trên. Ông Tập cho biết, sàn giao dịch này sẽ là nơi tập trung cổ phiếu của các công ty vừa và nhỏ sáng tạo. Đây là lần thứ hai ông Tập Cận Bình đích thân công bố một sáng kiến liên quan đến thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, vẫn chưa biết sàn Bắc Kinh có cho phép các doanh nghiệp nước ngoài niêm yết hay không. Nếu có, “sàn này sẽ làm gia tăng sự cạnh tranh cho sàn giao dịch chứng khoán Hồng Kông (HKEx)”, Jefferies cho biết trong một báo cáo.

Sản xuất công nghiệp TP HCM giảm gần một nửa do ảnh hưởng của dịch Covid-19

Báo cáo tình hình sản xuất công nghiệp của Bộ Công Thương vừa công bố cho thấy chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 8 ước giảm hơn 4% so với tháng 7 và giảm hơn 7% so với cùng kỳ năm trước, do dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, nhiều địa phương phải giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo giảm mạnh nhất, hơn 9%, tiếp đến là khai khoáng, giảm hơn 2%. Trong khi đó, sản xuất và phân phối điện; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải lại tăng dù không cao. Trái ngược với tháng 8, IIP 8 tháng ước tăng gần 6% so với cùng năm trước. Tuy vậy, nếu so với 2019, chỉ số IIP tháng 8 vẫn thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng gần 10%. Cụ thể, chế biến chế tạo; sản xuất và phân phối điện, tăng mạnh nhất, ở mức 7% và gần 7%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng hơn 4%; riêng ngành khai khoáng lại giảm hơn 6%. Mức giảm của chỉ số sản xuất công nghiệp tại tỷ lệ thuận với mức độ giãn cách xã hội tại các địa phương trong tháng 8. Trong đó, Bến Tre và Đồng Tháp đều giảm mạnh nhất, ở ngưỡng 60%, tiếp đến là TP HCM, giảm hơn 49%. Theo sau đó là các địa phương thuộc 19 tỉnh phía Nam áp dụng giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 như Vĩnh Long, Tây Ninh và Hậu Giang với mức giảm gần 30% đến gần 41%. Đây cũng là những địa phương có số ca nhiễm Covid-19 ghi nhận nhiều nhất trong đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 đang diễn ra.

KDH: đăng ký bán gần 20 triệu cổ phiếu quỹ từ 14/9

Nhà Khang Điền (HoSE: KDH) đăng ký bán toàn bộ 19,85 triệu cổ phiếu quỹ từ 14/9 đến 13/10. Giao dịch có thể thực hiện khớp lệnh hoặc thỏa thuận, giá bán theo giá thị trường. Đây là lượng cổ phiếu quỹ Nhà Khang Điền mua vào tháng 5/2020, mục đích bảo vệ quyền lợi công ty và cổ đông khi giá cổ phiếu rớt xuống mức thấp nhất từ cuối năm 2017 dưới tác động chung của thị trường. Lượng cổ phiếu quỹ có giá trị ghi sổ 419 tỷ đồng, tương đương giá 21.108 đồng/cp.

BCM: phát hành tiếp 2.500 tỷ đồng trái phiếu

Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC, HoSE: BCM) công bố Nghị quyết HĐQT duyệt phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp lần 3 với tổng mệnh giá tối đa 2.500 tỷ đồng. Từ đầu năm tới nay, Becamex IDC đã 2 lần phát hành trái phiếu riêng lẻ tổng giá trị 3.000 tỷ đồng. Trong đó, 2.000 tỷ đồng huy động được vào tháng 3 và 1.000 tỷ vào tháng 6. Cả 2 loại trái phiếu đều là không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được bảo đảm bằng tài sản (quyền sử dụng các lô đất tại phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương). Lô trái phiếu phát hành tháng 3 có kỳ hạn 5 năm, lãi suất 10%/năm cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên, các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4,5%/năm nhưng không thấp hơn 10,5%/năm. Lô trái phiếu tháng 6 có kỳ hạn 2 năm, lãi suất cố định 9%/năm. Như vậy, tính cả đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ mới được HĐQT phê duyệt thì doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp huy động tổng cộng 5.500 tỷ đồng.

TNG: doanh thu tháng 8 tiếp tục giảm, tuyển thêm gần 600 lao động

Dệt may TNG (HNX: TNG) thông báo doanh thu lũy kế 8 tháng đạt 3.544 tỷ đồng, vượt 2% kế hoạch 8 tháng và tăng 16% so với cùng kỳ năm trước. Riêng tháng 8, doanh thu 577,5 tỷ đồng, vượt 2% kế hoạch tháng. Như vậy, doanh thu tháng 8 của doanh nghiệp tiếp tục giảm so với tháng 7 và giảm 4% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 7, doanh thu giảm sau 4 tháng liên tục tăng trưởng. Nguyên nhân được lý giải là do tác động của thiếu hụt vỏ container và cước vận chuyển quốc tế tăng cao. Lũy kế 7 tháng, doanh thu công ty dệt may đạt 2.966 tỷ đồng, tăng 21%; lãi sau thuế 113 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước. Dệt may TNG cho biết doanh thu và lợi nhuận cải thiện nhờ ngay từ đầu năm đã định hướng tập trung khai thác, tăng tỷ trọng các khách hàng FOB (chủ động từ nguyên liệu đến thành phẩm) chủ đạo, doanh thu đơn hàng FOB tăng; khách hàng dịch chuyển đơn hàng từ các nước bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh sang Việt Nam; đẩy mạnh dòng sản phẩm kỹ thuật, cao cấp.

TDH: Lợi nhuận ròng 6 tháng của Thuduc House tăng 24% sau soát xét

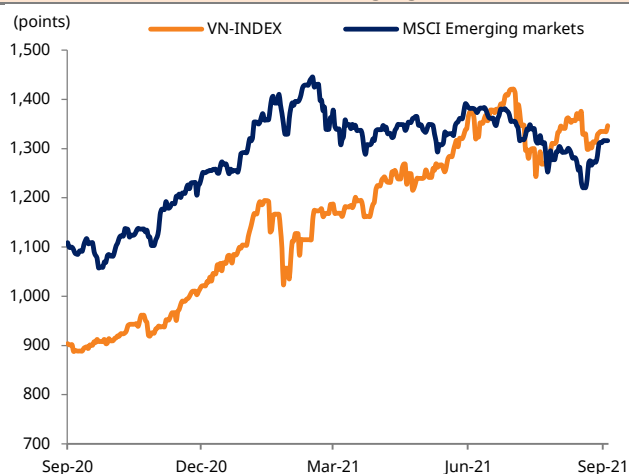
Theo báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2021, Phát triển Nhà Thủ Đức (Thuduc House, HoSE: TDH) ghi nhận lợi nhuận ròng tăng 24% so với báo cáo tài chính công ty tự lập và đạt gần 174 tỷ đồng. Theo giải trình, chênh lệch khoản lợi nhuận kể trên chủ yếu do loại trừ khoản lỗ từ việc chuyển nhượng một phần cổ phiếu của công ty con trong kỳ kế toán. Doanh thu tài chính tại báo cáo soát xét tăng 39% lên mức gần 304 tỷ đồng. Trong đó, lãi thanh lý khoản đầu tư tăng từ 207 tỷ đồng lên thành 293 tỷ đồng. Chi phí tài chính giảm 46% xuống 36,5 tỷ đồng. Trong đó, chi phí tài chính khác giảm từ 35,5 tỷ đồng xuống còn chỉ 334 triệu đồng. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp giảm gần 24 tỷ đồng do doanh thu thuần giảm nhưng giá vốn lại tăng. Với kết quả như trên, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Thuduc House tăng lên mức gần 174 tỷ đồng.

POM: Kiểm toán duy trì nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục của Pomina

Theo BCTC hợp nhất soát xét bán niên, đơn vị kiểm toán tiếp tục nhấn mạnh việc nợ phải trả của Thép Pomina (HoSE: POM) tại ngày 30/6 đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 359 tỷ đồng. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Tại BCTC

kiểm toán 2020, kiểm toán cũng đưa ra kết luận tương tự khi nợ phải trả vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 380,6 tỷ đồng. Cụ thể, tại thời điểm 30/6, Pomina có khoản nợ phải trả 9.623 tỷ đồng, tăng thêm 1.759 tỷ đồng so với đầu năm. Riêng khoản vay ngắn hạn là 6.086 tỷ đồng, tăng thêm 679 tỷ đồng và vay dài hạn giảm nhẹ xuống 1.481 tỷ đồng. Hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu là 2 lần. Trong khi đó, tài sản ngắn hạn ở mức 7.696 tỷ đồng, tăng thêm 2.017 tỷ đồng; chủ yếu tăng trong hàng tồn kho từ 2.253 tỷ đồng lên 3.909 tỷ đồng.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



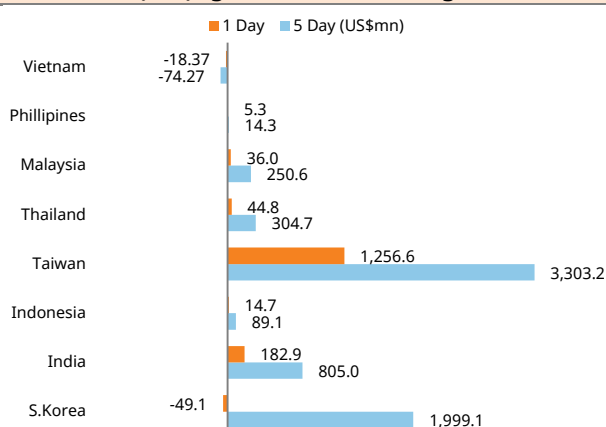
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



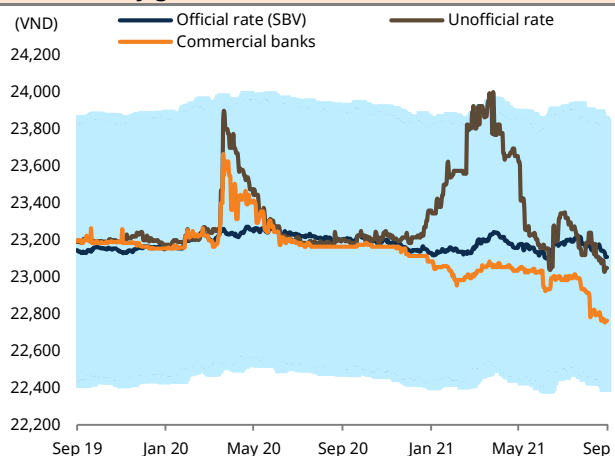
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



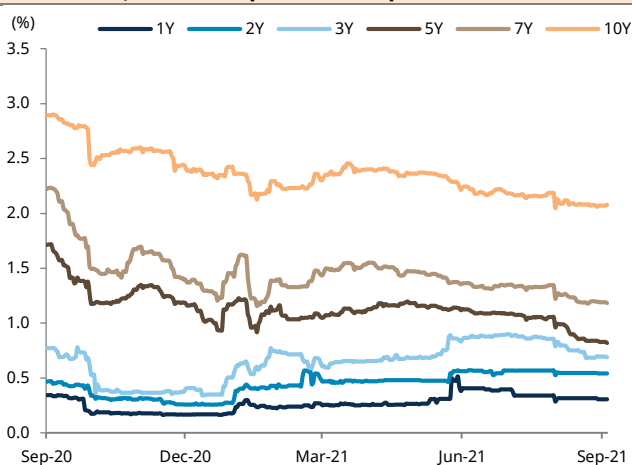
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



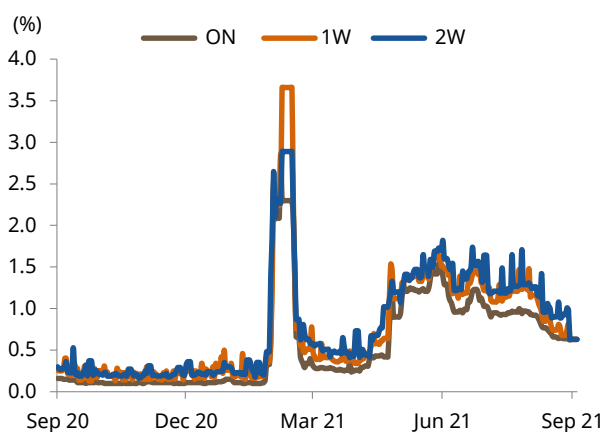
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,441.54	3,743,244		1.0	2.1	-0.5	73.3	13.7	11.8	2.6	2.1	36.4	16.4	22.5	20.6
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	32,050	86,597	30.0	0.2	0.3	-9.8	89.9	8.7	7.1	1.9	1.5	31.5	22.3	25.3	24.3
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	39,100	157,261	16.7	0.3	1.3	-8.9	-7.1	16.9	12.0	1.8	1.7	59.8	41.0	13.2	17.0
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	56,400	41,867	27.0	-0.7	7.2	4.8	9.9	24.4	21.7	2.0	1.9	10.1	12.8	8.4	9.0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	32,050	154,024	24.4	0.0	2.7	-6.1	59.1	9.2	7.4	1.7	1.4	22.2	25.2	18.6	20.0
CTCP FPT	FPT VN	94,900	86,119	49.0	2.7	3.8	-1.8	118.3	21.4	18.2	4.6	4.1	23.9	17.7	23.9	25.2
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	90,400	173,021	2.5	2.0	4.8	-2.2	21.2	19.8	15.9	3.5	3.2	13.4	24.3	18.1	20.5
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	39,300	157,200	0.6	-2.0	10.7	14.9	227.5	33.8	30.9	NA	NA	23.3	9.5	9.6	10.0
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	26,350	52,495	18.3	2.7	-1.9	-5.9	83.0	9.6	8.0	1.8	1.5	28.7	19.4	21.4	20.8
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	51,200	229,014	26.3	4.1	7.3	5.8	177.0	7.8	7.8	2.5	1.9	130.4	0.5	39.2	28.6
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	40,950	25,515	30.3	4.2	7.3	-1.1	80.5	23.4	16.7	2.7	2.3	-6.5	39.8	12.9	15.8
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	28,300	106,927	22.5	1.4	0.7	-4.6	145.7	9.0	7.5	1.6	1.4	42.6	20.6	22.1	21.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	131,100	154,768	33.1	-1.7	-2.2	-2.5	132.9	48.2	27.5	7.9	6.2	158.1	75.2	14.3	22.2
CTCP Thế giới di động	MWG VN	111,000	79,133	49.0	0.7	2.8	-2.9	76.9	16.2	12.7	3.7	3.1	18.8	27.9	25.1	26.7
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	104,800	154,434	9.3	0.1	1.1	-2.5	129.0	35.9	25.9	4.4	4.1	-0.4	38.5	16.0	14.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	86,000	41,862	3.6	0.4	3.0	-8.0	270.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	51,100	63,559	17.7	0.6	4.9	-3.4	-1.0	17.2	15.8	NA	NA	333.5	9.0	16.0	16.1
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	86,500	19,667	48.6	1.4	0.3	-10.1	42.7	18.3	14.6	3.4	2.9	9.5	25.9	20.2	23.4
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,400	29,039	3.1	-0.4	9.3	12.7	19.2	13.8	11.0	0.9	0.9	-10.1	25.8	7.1	8.5
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	149,200	95,679	62.6	0.3	1.1	-3.9	-22.4	22.2	18.6	4.0	3.4	-5.7	19.0	21.2	21.8
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	60,000	39,295	47.0	-2.0	-1.8	6.4	289.6	20.3	18.2	NA	NA	51.0	11.7	17.3	17.7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	27,550	51,938	16.1	1.3	1.7	-9.1	143.8	18.9	13.9	NA	NA	16.7	36.1	10.3	12.6
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	48,950	171,565	22.5	1.3	1.3	-5.5	124.0	10.2	8.5	1.9	1.5	36.3	20.4	20.5	20.3
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	34,800	37,294	30.0	1.8	2.1	-2.0	83.7	7.8	6.6	1.6	1.3	30.4	19.1	23.2	21.5
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	100,000	370,888	23.5	0.6	3.3	1.9	17.8	16.8	14.1	3.2	2.6	33.3	19.3	21.1	20.9
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	108,400	363,087	23.5	1.3	1.7	-4.8	35.5	11.5	10.2	3.1	2.4	13.0	12.9	28.3	27.0
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	95,000	361,495	14.8	1.0	2.0	-5.7	13.7	60.5	59.1	4.1	3.7	4.5	2.3	7.0	8.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	125,700	68,081	17.7	0.2	-0.1	7.1	16.8	NA	35.2	NA	NA	-789.3	-495.1	0.4	16.2
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	88,300	184,543	54.9	0.2	1.5	1.3	-15.2	18.5	17.1	5.7	5.5	0.2	8.1	32.7	33.9
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	61,100	150,902	15.4	-0.7	0.5	0.8	160.6	9.7	10.0	1.8	1.5	48.2	-3.1	23.6	16.8
CTCP Vincom Retail	VRE VN	28,100	63,852	29.7	0.7	6.2	0.5	-1.4	26.5	19.6	2.1	1.9	1.1	35.6	7.5	10.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	11.74	5,031,323	0.9	3.5	2.4	51.0	15.6	12.8	2.6	2.2	36.6	21.9	20.2	19.3
Ô tô và phụ tùng	0.02	9,557	0.7	0.7	7.0	73.4	8.1	7.1	1.5	1.4	25.9	13.9	12.6	12.7
Ngân hàng	2.23	1,566,781	0.5	0.5	-4.1	59.1	12.5	10.1	2.0	1.7	37.6	22.9	19.5	19.3
Xây dựng cơ bản	1.07	202,036	2.0	2.0	15.6	101.0	8.5	7.0	1.7	0.5	18.5	24.6	8.5	8.8
Dịch vụ thương mại	0.04	5,399	2.5	2.5	13.3	40.5	8.2	6.4	NA	NA	10.8	39.0	9.7	12.8
May mặc và trang sức	0.14	43,602	1.2	1.2	-1.3	113.9	13.0	10.5	2.4	2.0	22.2	24.6	15.6	17.4
Dịch vụ tiêu dùng	0.01	8,453	0.5	0.5	1.9	29.5	NA	12.6	NA	NA	NA	NA	-9.0	3.6
Dịch vụ tài chính	0.22	111,092	0.8	0.8	16.9	269.6	7.2	6.4	NA	NA	51.0	11.7	6.1	6.3
Năng lượng	0.30	83,554	1.3	1.3	1.4	20.9	27.6	15.4	0.2	0.2	NA	56.9	13.8	14.0
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.15	536,266	-0.1	-0.1	0.7	35.5	25.5	17.4	5.0	4.3	55.4	32.9	20.0	22.4
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.02	1,775	-4.6	-4.6	149.7	176.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,837	0.0	0.0	-2.9	3.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.10	51,150	-0.7	-0.7	5.8	16.5	21.0	17.9	1.7	1.5	15.5	12.8	7.8	7.5
Nguyên vật liệu	2.28	553,953	1.6	1.6	11.7	188.4	68.5	14.5	1.4	1.0	NA	0.4	24.6	19.0
Giải trí và truyền thông	0.01	1,423	3.6	3.6	0.9	-25.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.26	38,672	0.3	0.3	13.7	29.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	3.44	1,201,463	-2.3	-2.3	9.4	28.0	9.5	8.3	1.6	1.4	3.9	14.5	8.8	9.1
Bán lẻ	0.18	88,744	1.1	1.1	-2.1	60.0	46.1	24.9	2.9	6.4	13.4	NA	14.3	14.3
Phần mềm và dịch vụ	0.65	92,511	0.8	0.8	-1.7	72.7	15.8	12.0	3.3	2.8	37.2	29.8	22.0	23.6
Thiết bị và phần cứng	0.14	8,062	2.6	2.6	-0.4	115.4	19.9	16.9	4.2	3.8	27.4	17.6	22.3	23.5
Dịch vụ viễn thông	0.01	1,602	6.9	6.9	17.7	274.9	18.4	14.8	5.2	4.0	59.5	24.0	31.5	25.8
Vận tải	0.75	187,808	3.1	3.1	23.4	300.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	1.07	265,606	1.4	1.4	7.4	56.6	4.4	17.1	19.3	0.5	21.4	NA	-67.7	42.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
HPG VN	51,200	4.1	48,098,900	2.4
VHM VN	108,400	1.3	13,077,500	1.3
GAS VN	90,400	2.0	868,100	0.9
VIC VN	95,000	1.0	1,928,800	0.9
TCB VN	48,950	1.3	12,880,500	0.6
FPT VN	94,900	2.7	3,124,600	0.6
VCB VN	100,000	0.6	905,000	0.6
MBB VN	28,300	1.4	17,330,200	0.4
HDB VN	26,350	2.7	2,910,800	0.4
HSG VN	42,850	7.0	22,291,200	0.4

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GVR VN	39,300	-2.0	6,788,200	-0.9
MSN VN	131,100	-1.7	1,518,900	-0.7
VPB VN	61,100	-0.7	4,629,400	-0.3
SSI VN	60,000	-2.0	17,069,400	-0.2
DHG VN	105,000	-4.5	110,400	-0.2
VIB VN	35,800	-0.7	1,040,400	-0.1
DPM VN	36,600	-2.4	6,951,900	-0.1
KBC VN	41,800	-1.6	13,157,200	-0.1
DCM VN	25,400	-2.3	4,167,600	-0.1
DIG VN	34,900	-2.1	12,458,200	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.